

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá (sau đây gọi là Thông tư số 38/2014/TT-BTC)

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho thẩm định viên về giá theo quy định tại điểm c và d Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá (sau đây gọi là Nghị định số 89/2013/NĐ-CP) và tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 12/2021/NĐ-CP) gồm:

a) Giấy đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Bản sao Thẻ thẩm định viên về giá hoặc Giấy xác nhận đã cấp thẻ thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp;

c) Bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp thẩm định giá liền kề trước thời điểm đăng ký hành nghề;

d) Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá cho thẩm định viên về giá hành nghề theo quy định của Bộ Tài chính;

đ) Bản sao chứng thực Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp có thời gian phù hợp với thời hạn lao động tại hợp đồng lao động đối với trường hợp thẩm định viên về giá là người nước ngoài;

e) Bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng lao động (nếu có) tại doanh nghiệp thẩm định giá của thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề, ghi rõ thời gian làm việc và công việc phải làm phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề thẩm định giá;

g) Danh sách ít nhất 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá trong năm liền trước của thẩm định viên về giá hành nghề đã ký, trừ các trường hợp sau: Thẩm định viên về giá hành nghề dưới 06 (sáu) tháng trong năm liền trước; thẩm định viên về giá đã được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá năm hiện tại; thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá và có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp trong năm liền trước.

Nội dung kê khai 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá bao gồm: Số, ngày tháng năm phát hành Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá; khách hàng thẩm định giá; doanh nghiệp thẩm định giá và có xác nhận của (các) doanh nghiệp thẩm định giá phát hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 và Khoản 5 Điều 3 như sau:

“4. Trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá đăng ký bổ sung thẩm định viên về giá thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và gửi kèm văn bản đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị đăng ký bổ sung danh sách thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp. Trường hợp đăng ký giảm thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá gửi văn bản đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị đăng ký giảm thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp kèm bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc chấm dứt đăng ký hành nghề (đối với trường hợp thẩm định viên về giá vẫn tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp) của doanh nghiệp đối

với thẩm định viên về giá đăng ký giảm. Trường hợp đăng ký điều chuyển thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá gửi văn bản đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) đề nghị đăng ký điều chuyển thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp kèm theo hồ sơ điều chuyển.

5. Bộ Tài chính ban hành Thông báo công bố Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá định kỳ chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng hàng tháng đối với các doanh nghiệp thẩm định giá đã nộp đủ hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp trước ngày 20 hàng tháng (theo dấu công văn đến), riêng tháng 12 là trước ngày 10 của tháng (theo dấu công văn đến). Thẩm định viên về giá chỉ được phép hành nghề thẩm định giá sau khi có Thông báo của Bộ Tài chính.”

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị cấp hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 14 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2021/NĐ-CP. Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này.

Trường hợp đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định tại Điều 41 Luật giá, doanh nghiệp thẩm định giá gửi kèm bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và văn bản ủy quyền của doanh nghiệp thẩm định giá cho chi nhánh. Văn bản ủy quyền cần nêu rõ chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện một phần hay thực hiện toàn bộ công việc thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện một phần công việc thẩm định giá không được phát hành chứng thư thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện toàn bộ công việc thẩm định giá được phát hành chứng thư thẩm định giá.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và 3 Điều 5 như sau:

“2. Doanh nghiệp thẩm định giá phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính khi có những thay đổi quy định tại Điều 17 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 12/2021/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện đăng ký danh sách thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp cho năm liền sau theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này và phải gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) trước ngày 20 tháng 12 (theo dấu công văn đến). Căn cứ hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp thẩm định giá, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) rà soát và ban hành Thông báo công bố Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm liền sau theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và 3 Điều 6 như sau:

“2. Doanh nghiệp thẩm định giá được mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Chi phí mua bảo hiểm được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp

a) Trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá thì phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp với mức trích hàng năm là 1% trên doanh thu dịch vụ thẩm định giá (doanh thu không có thuế giá trị gia tăng), được hạch toán như trường hợp trích lập dự phòng phải trả. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành quy chế nội bộ quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

b) Khi quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp có số dư cuối năm tài chính tương đương 10% doanh thu dịch vụ thẩm định giá trong năm tài chính thì không tiếp tục trích quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp nữa. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thẩm định giá thì số dư quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết được hạch toán vào thu nhập khác.”

6. Sửa đổi Khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Thời hạn lưu trữ tối thiểu là 10 (mười) năm đối với hồ sơ thẩm định giá kể từ ngày phát hành chứng thư thẩm định giá. Doanh nghiệp thẩm định giá phải có biện pháp để duy trì tính bảo mật, an toàn, toàn vẹn, có khả năng tiếp cận và phục hồi được của hồ sơ thẩm định giá trong thời hạn lưu trữ.”

7. Sửa đổi Khoản 5 Điều 7 như sau:

“5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ, tiêu hủy hồ sơ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lưu trữ.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Đối với doanh nghiệp thẩm định giá

a) Báo cáo định kỳ: Định kỳ hàng năm, doanh nghiệp thẩm định giá báo cáo theo Mẫu Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm quy định tại Phụ lục số 07 kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm báo cáo.

b) Báo cáo đột xuất: Doanh nghiệp thẩm định giá báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá

a) Báo cáo định kỳ: Định kỳ hàng năm, tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá báo cáo theo Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động và phương hướng hoạt động của tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá quy định tại Phụ lục số 08 kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm liền sau năm báo cáo.

b) Báo cáo đột xuất: Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá báo cáo đột xuất (nếu có) hoặc theo đề nghị bằng văn bản của Bộ Tài chính trong trường hợp kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính, tranh chấp trong lĩnh vực thẩm định giá.

3. Các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) bằng một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận;
- Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Gửi qua fax hoặc thư điện tử theo địa chỉ baocaotdg@mof.gov.vn (bản scan).

Doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá

Doanh nghiệp thẩm định giá xây dựng quy trình và thực hiện kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp theo quy định tại Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có).

Doanh nghiệp thẩm định giá được chủ động đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá tại doanh nghiệp sau thời gian ít nhất 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm công bố kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp liền trước đó.”

10. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá phục vụ hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp và thực hiện việc kết nối cơ sở dữ liệu này với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

11. Thay thế các Phụ lục từ số 01/TĐG đến số 08/TĐG kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC bằng các Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

2. Bộ Tài chính giao Cục Quản lý giá có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân và Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện và hướng dẫn các doanh nghiệp tham định giá thực hiện Thông tư này. Cục trưởng Cục Quản lý giá, doanh nghiệp tham định giá, thẩm định viên về giá và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội Thẩm định giá Việt Nam;
- Các doanh nghiệp tham định giá;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; QLG (VT, QLTDG). (60)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn

Phụ lục số 01/TĐG: Mẫu Giấy đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ
HÀNH NGHỀ THẨM ĐỊNH GIÁ TẠI DOANH NGHIỆP

Kính gửi:¹.....

Dán
Ảnh 4 x 6
(giáp lai)

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
4. Quê quán (hoặc Quốc tịch):
5. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày/...../.....
tại
6. Nơi đăng ký hành nghề thẩm định giá hiện nay:
.....
7. Địa chỉ thường trú:
8. Điện thoại:.....
9. Email:.....
10. Trình độ chuyên môn:
Tốt nghiệp: Đại học: Chuyên ngành Năm
Học vị: Năm:..... Học hàm:..... Năm
- Thẻ thẩm định viên về giá: Số ngày do Bộ Tài chính cấp.
11. Quá trình làm việc (*kê khai liên tục theo tháng kể từ khi được cấp thẻ đến nay*):

Thời gian từ ... đến ...	Công việc - Chức vụ	Đơn vị công tác
.....
.....

12. Chi tiết các giai đoạn hành nghề thẩm định giá

12a) Đối với thẩm định viên là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá (*kê khai đủ 36 tháng hành nghề thẩm định giá theo Thông báo của Bộ Tài chính*)

Ngày bắt đầu hành nghề	Thông báo hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Ngày chấm dứt hành nghề	Thông báo chấm dứt hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Công việc – Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tháng là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề
Năm.....						
.....
.....
Năm.....						
.....
.....

12b) Đối với thẩm định viên không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá (*kê khai thời gian hành nghề thẩm định giá theo Thông báo của Bộ Tài chính trong năm hiện tại và năm liền trước*)

Ngày bắt đầu hành nghề	Thông báo hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Ngày chấm dứt hành nghề	Thông báo chấm dứt hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Công việc – Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tháng là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề
Năm hiện tại						
.....
.....
Năm liền trước năm hiện tại						
.....
.....

12. Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính: số ngày/...../....., nơi cấp:

13. Văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp thẩm định giá liền kề trước thời điểm đăng ký hành nghề hiện tại: số ngày/...../..... của

14. Hợp đồng lao động số ngày/...../..... ký với doanh nghiệp thẩm định giá mà thẩm định viên về giá đang đăng ký hành nghề và Phụ lục hợp đồng lao động (nếu có).

Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện và căn cứ tiêu chuẩn thẩm định viên về giá, tôi xin đăng ký hành nghề thẩm định giá tại².....

Tôi gửi kèm theo bản sao chứng thực/ bản sao các giấy tờ sau:

1. Thẻ thẩm định viên về giá hoặc Giấy xác nhận đã cấp thẻ thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp;

2. Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá;
3. Văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp thẩm định giá liền kề trước thời điểm đăng ký hành nghề hiện tại;
4. Bản sao Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng lao động (nếu có) tại doanh nghiệp thẩm định giá mà thẩm định viên về giá đang đăng ký hành nghề;
5.;
6. Các tài liệu liên quan khác.

Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Giấy đăng ký này. Tôi xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật đối với thẩm định viên về giá hành nghề.

Kính đề nghị¹ xem xét chấp thuận./.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
 Xác nhận³
 đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá
 theo quy định của pháp luật và
 chấp nhận cho hành nghề tại doanh nghiệp
 (Chữ ký, họ tên của người đại diện
 theo pháp luật, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
 (Chữ ký, họ tên)

¹ Tên doanh nghiệp thẩm định giá đăng ký hành nghề

² Tên doanh nghiệp thẩm định giá hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá đăng ký hành nghề

³ Tên thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ:tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ngày .../.../.... do Bộ Tài chính cấp.

Phần 2. Thông tin về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có)

1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1:

- Tên chi nhánh:

- Trụ sở chi nhánh:

Địa chỉ giao dịch:

- Điện thoại:

- Fax:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số do cấp ngày/...../..... tại; thay đổi lần thứ ngày/...../.....

Ngành nghề kinh doanh thẩm định giá: Có Mã ngành:

Không

- Được doanh nghiệp thẩm định giá ủy quyền thực hiện công việc thẩm định giá:

Một phần Toàn bộ

- Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên: Giới tính:

Quê quán (hoặc Quốc tịch): Sinh ngày:/...../.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:/...../..... tại

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ:tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ngày .../.../.... do Bộ Tài chính cấp.

2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2: (cung cấp thông tin như Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1)

Phần 3. Thông tin về thẩm định viên đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có)

Loại hình doanh nghiệp:

TT	Họ tên	Năm sinh	Quê quán (Quốc tịch) ¹	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu	Chức vụ	Tur cách thành viên tại doanh nghiệp ²	Thẻ thẩm định viên về giá		Cập nhật kiến thức về thẩm định giá
							Số	Ngày cấp	
<i>Trụ sở chính</i>									
1									
2									
....									
<i>Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1</i>									
1									
....									
<i>Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá....</i>									
....									
....									

Phần 4. Thông tin về vốn góp của thành viên là tổ chức (đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần)

Tổng số vốn góp của các thành viên là tổ chức:

Tổng tỷ lệ sở hữu:

Cụ thể mức vốn góp của các thành viên là tổ chức:

(1.1). Tên tổ chức thứ nhất: (ghi bằng chữ in hoa)

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Quyết định thành lập (hoặc đăng ký kinh doanh) số ngày .../.../.....

- Người đại diện phần vốn góp:

Họ và tên: Giới tính:

Quê quán (hoặc Quốc tịch): Sinh ngày:/...../.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:/...../..... tại

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ: tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ngày .../.../... do Bộ Tài chính cấp.

Số vốn góp theo đăng ký: Thời hạn góp vốn:
 Giá trị vốn đã thực góp tính đến thời điểm hiện tại:
 Tỷ lệ sở hữu vốn tại doanh nghiệp:
 (2.2) Tên tổ chức thứ hai: *(kê khai như tổ chức thứ nhất)*

Phần 5. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo

1.³ đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp.

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

Phần 6. Doanh nghiệp cam kết

.....³ xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,³ sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP

(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)

¹ Người Việt Nam ghi quê quán (tỉnh, thành phố); người nước ngoài ghi quốc tịch

² Thẩm định viên là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, chủ doanh nghiệp hay cô đồng sáng lập, người đại diện của thành viên là tổ chức tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 39 Luật giá

³ Tên doanh nghiệp thẩm định giá

Nội dung thay đổi sau khi cấp lại:

.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

4. Doanh nghiệp cam kết

.....¹ xin cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

4.2. Nếu được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,¹ sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

....., ngày.....tháng.....năm

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP

*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện
 theo pháp luật, đóng dấu)*

¹ Tên doanh nghiệp thẩm định giá

*** Hồ sơ kèm theo gồm có:**

- Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá cho thẩm định viên về giá hành nghề theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp thẩm định viên về giá mới được cấp Thẻ thẩm định viên về giá trong năm trước liền kề.
- Danh sách ít nhất 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá trong năm liền trước của thẩm định viên về giá đã hành nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này. Nội dung kê khai 10 bộ Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá bao gồm: Số, ngày tháng năm Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá; khách hàng thẩm định giá; doanh nghiệp thẩm định giá và có xác nhận của (các) doanh nghiệp thẩm định giá phát hành.
- Hồ sơ đăng ký bổ sung/ giảm/ điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này (nếu có phát sinh).
- Các tài liệu liên quan khác..

*** Doanh nghiệp cam kết**

.....⁶ xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Danh sách này.
2.⁶ cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(ký tên, đóng dấu)

¹ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần theo quy định tại Điều 39 Luật giá

² Người Việt Nam ghi quê quán (tỉnh, thành phố); người nước ngoài ghi quốc tịch.

³ Thẩm định viên là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, chủ doanh nghiệp hay cổ đông sáng lập, người đại diện của thành viên là tổ chức tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 39 Luật giá.

⁴ Chỉ rõ số Giấy chứng nhận, thời gian khóa học và đơn vị tổ chức

⁵ Đăng ký tiếp tục/ Điều chỉnh nội bộ/ Đăng ký mới

⁶ Tên doanh nghiệp thẩm định giá

Phụ lục số 04/TĐG: Mẫu Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Mã số:

Cấp lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Cấp lại lần thứ, ngày.....tháng.....năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Xét hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của

CHỨNG NHẬN:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
3. Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):
4. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ giao dịch:

5. Số điện thoại: Fax:

Email:

6. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....

Chức vụ:

Loại giấy chứng nhận (CMND/CCCD/Hộ chiếu): Số..... ngày cấp:.../.../...
nơi cấp.....

Thẻ thẩm định viên về giá số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày .../.../.....

7. Các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1:².....

Trụ sở chi nhánh:

Địa chỉ giao dịch:

Số điện thoại: Fax:

Email:

Được thực hiện <toàn bộ hoạt động thẩm định giá>/ <một phần hoạt động thẩm định giá, không được phát hành Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá>;

Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....

Chức vụ:

Loại giấy chứng nhận (CMND/CCCD/Hộ chiếu): Số..... ngày cấp:.../.../...
nơi cấp.....

Thẻ thẩm định viên về giá số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày .../.../.....

b) Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2:

.....

ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

theo quy định tại Luật giá ngày 20/6/2012, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá và Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản gốc; 01 bản cấp cho¹; 01 bản lưu tại Bộ Tài chính.

Ngày tháng năm

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Tên doanh nghiệp thẩm định giá

² Tên chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá

Bìa 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Bìa 3**NHỮNG QUY ĐỊNH**

Doanh nghiệp thẩm định giá được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải:

1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong suốt thời gian hoạt động.
2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.
3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá vào các mục đích khác mà pháp luật không quy định.
4. Thông báo với Bộ Tài chính và làm thủ tục cấp lại theo quy định nếu có thay đổi nội dung ghi trong Giấy này.
5. Trình báo ngay cho cơ quan Công an và thông báo cho Bộ Tài chính trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời làm hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định.
6. Nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho Bộ Tài chính khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hoặc khi có quyết định thu hồi./.

Phụ lục số 05/TĐG: Mẫu Quyết định đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với¹.....
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số/TĐG - trong thời gian²..... tháng kể từ ngày/...../.....

Điều 2. Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,¹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý giá,¹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Website Bộ Tài chính (để đăng tin);
- Website Cục Quản lý giá (để đăng tin);
- Lưu: VT, QLG.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ
(Chữ ký, dấu)

¹ Tên doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

² Thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Phụ lục số 06/TĐG: Mẫu Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số/TĐG đối với¹ kể từ ngày/...../.....

Điều 2.¹ phải nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) chậm

nhất trong thời hạn 03 ngày, chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý giá,¹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Website Bộ Tài chính (để đăng tin);
- Website Cục Quản lý giá (để đăng tin);
- Lưu: VT, QLG.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁ
(Chữ ký, dấu)

¹ Tên doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Phụ lục số 07/TĐG: Mẫu Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá cả năm (Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số:¹...../TĐG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm.....²

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Công ty³..... báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm²..... như sau⁴:

1. Tình hình chung về doanh nghiệp

- Tên của doanh nghiệp thẩm định giá;
- Loại hình doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ giao dịch, email và số điện thoại liên hệ.
- Mã số doanh nghiệp thẩm định giá theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp:/TĐG, cấp lần đầu đầu ngày, cấp lại lần thứ ngày
- Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá, gồm: họ và tên, năm sinh, giới tính, quê quán, số CMND/CCCD/Hộ chiếu và ngày cấp, chức vụ, số thẻ thẩm định viên và ngày cấp;
- Tên gọi, người đứng đầu và địa chỉ của các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong nước và ngoài nước;
- Chi tiết mức vốn góp của các thành viên là tổ chức (nếu có) đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần trong năm và người đại diện phần vốn góp của tổ chức; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo;
- Chi tiết mức vốn góp tại thời điểm báo cáo của các thẩm định viên về giá tại công ty; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo.

- Trường hợp mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: báo cáo tên doanh nghiệp bảo hiểm và mức bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đã mua trong giai đoạn báo cáo.

- Trường hợp trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp: báo cáo mức trích lập trong giai đoạn báo cáo và số dư quỹ vào cuối giai đoạn báo cáo.

- Báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát chất lượng nội bộ đối với hoạt động thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính;

- Các tổ chức và hiệp hội thẩm định giá quốc tế và trong nước mà doanh nghiệp thẩm định giá là thành viên, thời điểm là thành viên.

2. Cơ cấu nhân sự và danh sách thẩm định viên

2.1. Cơ cấu nhân sự

CHỈ TIÊU	Số lượng		Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá cho thẩm định viên về giá hành nghề theo quy định (Có/ Không)	
	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước
1. Tổng số thẩm định viên về giá hành nghề
1.1. Tại doanh nghiệp
1.2. Tại Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1
1.3. Tại Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2
.....
2. Tổng số nhân viên khác				

2.2. Danh sách thẩm định viên tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

TT	Họ tên thẩm định viên	Năm sinh	Giới tính	Quê quán	Chức vụ	Số thẻ	Ngày cấp
	Năm ...						
Công ty thẩm định giá ...							
1							
2							
3							
4							

<i>Chi nhánh Công ty Thẩm định giá ... (ủy quyền toàn phần hay ủy quyền một phần)</i>							
1							
2							

3. Hoạt động thẩm định giá trong kỳ báo cáo

3.1. Việc chấp hành pháp luật thẩm định giá

Báo cáo chi tiết thực trạng, khó khăn vướng mắc cụ thể đối với các nội dung sau:

- Về điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;
- Về ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng thẩm định giá;
- Về quản lý thẩm định viên về giá hành nghề:
 - + Tổng số thẩm định viên đăng ký hành nghề trong kỳ báo cáo;
 - + Tổng số thẩm định viên mới bổ sung trong kỳ (nếu có, họ và tên, số thẻ thẩm định viên);
 - + Tổng số thẩm định viên đã xóa tên trong kỳ (nếu có, họ và tên, số thẻ thẩm định viên);
- Về thực hiện Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.
- Về chấp hành các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

3.2. Giá dịch vụ thẩm định giá và việc cung cấp thông tin về mức giá

3.3. Chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá

Nguồn báo cáo: Báo cáo kết quả kinh doanh đã được kiểm toán hoặc Báo cáo kết quả kinh doanh nộp cho cơ quan thuế cùng kỳ.

3.3.1. Chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá theo loại hình dịch vụ⁴:

CHỈ TIÊU	Số lượng chứng thư thẩm định giá phát hành		Tổng giá trị tài sản thẩm định giá (theo chứng thư)		Doanh thu thuần (doanh thu thực nhận theo hợp đồng, Dvt: triệu đồng)	
	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước
Tổng số						
Trong đó:						
(1) Sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước						
1.1. Bất động sản						
1.2. Động sản						
1.3. Giá trị doanh nghiệp						
1.4. Khác						

<i>(2) Sử dụng nguồn vốn khác</i>						
1.1. Bất động sản						
1.2. Động sản						
1.3. Giá trị doanh nghiệp						
1.4. Khác						

3.3.2. Kết quả hoạt động thẩm định giá ⁴

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước (hạch toán chính xác)
1. Tổng doanh thu hoạt động thẩm định giá		
2. Tổng chi phí hoạt động thẩm định giá		
3. Lợi nhuận ròng của hoạt động thẩm định giá		

3.4. Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị

.....

4. Phương hướng hoạt động thẩm định giá năm tiếp theo

.....

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung báo cáo trên đây.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện
 theo pháp luật, đóng dấu)*

¹ Mã số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp

² Ghi rõ kỳ báo cáo: ví dụ năm 2021

³ Tên doanh nghiệp thẩm định giá báo cáo

⁴ Số liệu báo cáo là số tổng hợp của toàn bộ doanh nghiệp thẩm định giá, bao gồm tất cả các chi nhánh thẩm định giá của doanh nghiệp

1.5. Công tác tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**1.6. Công tác tuyên truyền**

- Công tác tuyên truyền cơ chế chính sách và điều hành quản lý giá và thẩm định giá.

- Công tác tuyên truyền đối với hoạt động của tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá và hội viên.

1.7. Công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thẩm định giá**1.8. Công tác hợp tác quốc tế****1.9. Công tác khác (nếu có)****2. Phương hướng hoạt động năm tiếp theo**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi rõ kỳ báo cáo; ví dụ năm 2021

² Năm liền sau của kỳ báo cáo; ví dụ năm 2022

³ Tên tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá